

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HUNG YÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 29/2025/QĐST-DS

Văn Giang, ngày 08 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HUNG YÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị Thoa - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Bà Lưu Thị Thủy - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên họp: Bà Lý Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 15/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025 về “Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự” theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. ***Người yêu cầu:*** Ông Lê Thanh T, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Thôn 1, xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

2. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Lê Văn B, sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn G, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Lê Thị Minh P, sinh năm 1968

Địa chỉ: thôn G, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

- Chị Lê Thị T1, sinh năm 1986

Địa chỉ: thôn A, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

- Ông Lê Công H, sinh năm 1973

Địa chỉ: thôn A, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Lê Thị M, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

3. ***Người làm chứng:*** Bà Phan Thị N, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Hải V, sinh năm 1968, cùng địa chỉ: thôn A, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Tại phiên họp: Có mặt ông T; Vắng mặt chị T1, ông B, bà P, ông H, bà M, bà N và bà V.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

**Theo đơn yêu cầu và các lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự,
Người yêu cầu – ông Lê Thanh T trình bày:**

Bố mẹ ông là cụ Lê Văn L và cụ Phan Thị Đ, hai cụ sinh được 06 người con gồm: Bà Lê Thị N1, ông Lê Văn B, ông – Lê Thanh T, bà Lê Thị Minh P, bà Lê Thị M và ông Lê Công H. Bố mẹ ông không có con riêng và không có con nuôi.

Bà Lê Thị N1 bị thiếu năng trí tuệ, chậm chạp, ngờ nghệch nên không có chồng nhưng có 02 người con là chị T1 và anh T2. Khi bà N1 còn sống 3 mẹ con bà ở với bố mẹ ông và bà M vì các anh chị em khác đã lập gia đình và ở riêng. Sau khi bà N1 chết năm 1994, chị T1, anh T2 vẫn do bố mẹ ông nuôi dưỡng. Năm 1997 anh T2 chết đuối, năm 1998 mẹ ông cũng chết, chị T1 tiếp tục ở với bố ông và bà M. Năm 2006 bố ông mất, năm 2008 bà M lấy chồng về ở nhà chồng. Từ đó chị T1 do ông nuôi dưỡng cho đến hiện nay.

Chị T1 phát triển bình thường về thể chất nhưng lại không phát triển, khiếm khuyết về mặt thần kinh, chị bị thiếu năng trí tuệ mức độ nặng nên không nhận thức được như người bình thường, chị nghe được và nói được nhưng bị ngọng, phải là người nhà mới luận được chứ người ngoài không quen là không hiểu. Thần kinh chị không ổn định, thỉnh thoảng nói lảm nhảm một mình, nhút nhát, hay khóc, sai bảo việc gì như làm việc nhà hay ra ruộng nhổ cỏ vẫn biết làm nhưng làm không chuẩn và khi làm phải có người giám sát, chỉ bảo. Chị T1 vẫn tự sinh hoạt cá nhân, ăn uống, tắm giặt được. Giao tiếp chậm chạp, chủ yếu giao tiếp một chiều, hỏi gì trả lời đó, không nói chuyện qua lại được như người bình thường. Chị không học được, không biết chữ, không biết sử dụng các đồ điện tử. Ra ngoài gặp người lạ là hay cà khía, chửi đánh người ta nên mọi hoạt động của chị phải có người thân giám sát, chăm sóc, giúp đỡ. Gia đình nhiều lần cho chị điều trị tại bệnh viện T3 nhưng bệnh thần kinh không thuyên giảm. Lần gần nhất là cuối 2024 chị T1 điều trị 1 tuần tại Bệnh viện T4 nhưng cũng không thuyên giảm, bệnh viện kết luận chị bị chậm phát triển tâm thần. Hiện chị đang được hưởng trợ cấp xã hội đối tượng khuyết tật trí tuệ mức độ nặng, mức hưởng trợ cấp hiện nay là 750.000đ/ tháng. Ông là người lĩnh tiền trợ cấp của chị T1 để nuôi dưỡng chị.

Từ năm 2008 gia đình ông nuôi dưỡng, chăm sóc chị T1 và luôn đảm bảo tốt cho chị về mọi mặt, không hề có hành vi đánh đập, ngược đãi chị. Bản thân ông và gia đình là gia đình thuần nông, luôn chấp hành tốt mọi quy định tại nơi cư trú, luôn hòa nhã, đoàn kết với mọi người. Tôi không có hành vi vi phạm pháp luật gì, luôn yêu thương những người trong gia đình, không ngược đãi người thân, con, cháu. Hiện nay ông vẫn còn mạnh khỏe, đang làm ruộng, trồng các loại cây hoa cảnh, thu nhập ổn định.

Nay có việc gia đình liên quan đến quyền lợi của chị T1 mà chị lại bị khuyết tật trí tuệ nên cần đại diện để bảo vệ quyền lợi cho chị. Ông đang là người nuôi dưỡng chị nên ông muốn được hợp pháp về việc này. Vậy nên ông đề nghị Tòa án tuyên bố chị T1 bị mất năng lực hành vi dân sự và chỉ định ông là người giám hộ cho chị T1 theo quy định pháp luật.

***Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm các anh chị em ruột của ông T là ông B, bà P, ông H, bà M cùng xác nhận:** Bố mẹ các ông

bà là cụ L, cụ Đào S được 06 người con đẻ và không có con riêng, con nuôi như ông T trình bày là đúng. Trong số 06 anh chị em có bà N1 bị thiếu năng trí tuệ, ngờ nghệch, không có chồng nhưng có 02 người con mà không xác định được bố là chị T1 và anh T2, 03 mẹ con bà N1 ở với cụ L, cụ Đ. Hiện nay cụ L, cụ Đ, bà N1 đều đã chết, anh T2 cũng chết đuối khi còn nhỏ; Từ năm 2008 chị T1 về ở với ông T. Chị T1 bị thiếu năng trí tuệ, khiếm khuyết về thần kinh, không nhận thức được như người bình thường, không học được, không biết đọc, biết viết, không có khả năng lao động, không có chồng, không có con. Ngoài các ông bà là cậu, dì ruột của chị T1, chị không còn người thân nào khác. Gia đình ông T nuôi dưỡng, chăm sóc chị rất chu đáo và đảm bảo tốt cho chị về mọi mặt, không hề có hành vi đánh đập, ngược đãi chị. Các anh chị em cũng không giúp đỡ ông T về tài chính để nuôi chị. Nay ông T yêu cầu Tòa án tuyên bố chị T1 mất năng lực hành vi dân sự và cử ông là T giám hộ cho chị T1 các ông, bà hoàn toàn đồng ý với yêu cầu của ông T, không có tranh chấp gì. Các ông, bà đều xin vắng mặt tại phiên họp giải quyết vụ việc.

***Những người làm chứng là bà N và bà V là hàng xóm liền kề với gia đình ông T xác nhận:** Chị T1 không có bố, mẹ chị là bà N1 đã chết, em trai chị là anh T2 cũng chết từ khi còn nhỏ. Chị T1 từ nhỏ đến nay hậm hậm, dở dở, không có khả năng nhận thức như ông T trình bày là đúng. Trước kia chị ở cùng ông bà ngoại, sau khi ông bà mất, ông T là cậu chị T1 đón chị về nuôi dưỡng cho đến hiện nay đã mấy chục năm. Hiện chị không có chồng, không có con, cuộc sống phụ thuộc vào sự chăm sóc của vợ chồng ông T. Ông T chăm sóc chị T1 rất chu đáo, đảm bảo cuộc sống của chị. Các bà đều xin vắng mặt khi Tòa án mở phiên họp giải quyết vụ việc.

***Kết quả xác minh** tại chính quyền thôn A, UBND xã X, Công an xã X thể hiện: Bố mẹ ông T là cụ L và cụ Đào S được 06 người con gồm bà N1, ông B, ông T, bà M, ông H. Hiện cụ L, cụ Đ, bà N1 đã chết. Bà N1 bị thiếu năng trí tuệ, không bình thường về tâm thần kinh, bà không có chồng nhưng có 02 người con là chị T1 và anh T2, anh T2 đã chết đuối năm 1994, chị T1 bị thiếu năng trí tuệ bẩm sinh, chị không đi học, không lấy chồng, không có con, thường ngày hay nói lảm nhảm, ra ngoài gặp ai cũng chửi bới, chị không có khả năng tự nuôi sống bản thân. Vợ chồng ông T chăm sóc nuôi dưỡng chị từ 2008 đến nay. Chị đang được hưởng chế độ trợ cấp diện người khuyết tật trí tuệ mức độ nặng. Gia đình ông T chăm sóc, nuôi dưỡng chị T1 rất chu đáo, không ai có hành vi ngược đãi đối với chị. Vợ chồng ông T làm ruộng, có thu nhập, kinh tế ổn định. Bản thân ông T có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, là người hiền lành, chất phác, luôn chăm lo cho gia đình, hòa nhã với mọi người, không có hành vi ngược đãi người thân, không vi phạm pháp luật.

Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án nhân dân huyện Văn Giang đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 15/2025/QĐ-TA ngày 03/3/2025 trưng cầu V1 thực hiện giám định sức khỏe tâm thần đối với chị Lê Thị T1. Tại kết luận giám định sức khỏe tâm thần theo trưng cầu số 117/KLGĐ ngày 23/4/2025 của V1 đã kết luận: *“Tại thời điểm giám định đối tượng Lê Thị T1 bị bệnh chậm phát triển tâm thần nặng. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F72. Đối tượng mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi”*.

Tại phiên họp hôm nay: Ông T giữ nguyên yêu cầu Tòa án tuyên bố chị T1 mất năng lực hành vi dân sự, chỉ định ông là người giám hộ cho chị T1 theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký phiên họp đã thực hiện đúng quy định tại khoản 1 điều 27, điểm a khoản 2 điều 35, điểm a khoản 2 điều 39, điều 363, 365, 366, 369, 377 Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 362, 367, 376 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Lê Thanh T, tuyên bố chị Lê Thị T1 mất năng lực hành vi dân sự, đồng thời chỉ định ông T là người giám hộ của chị T1. Ông T có các quyền và nghĩa vụ theo của người giám hộ quy định tại Điều 57, Điều 58 của Bộ luật Dân sự.

Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Đề nghị miễn lệ phí giải quyết việc dân sự cho ông T do ông là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn lệ phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên họp, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng vắng mặt và đều đề nghị được vắng mặt tại phiên họp. Vì vậy, căn cứ Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt những người này.

[2]. Xét yêu cầu của ông T về việc tuyên bố chị Lê Thị T1 mất năng lực hành vi dân sự:

Căn cứ lời khai của ông T, của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, của người làm chứng và kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ căn cứ xác định: Chị Lê Thị T1 bị thiếu năng trí tuệ bẩm sinh, không có khả năng nhận thức như người bình thường, ngờ nghệch, không có khả năng giao tiếp, không đi học nên không biết đọc, không biết viết, không có khả năng lao động, cuộc sống phụ thuộc vào người thân chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị đang được hưởng trợ cấp xã hội diện người bị khuyết tật trí tuệ mức độ nặng, mức hưởng mỗi tháng 750.000 đồng. Ông T là cậu ruột chị T1 đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc chị.

Tại kết luận giám định sức khỏe tâm thần theo trung cầu số 117/KLGD ngày 23/4/2025 của V1 đã kết luận: *“Tại thời điểm giám định đối tượng Lê Thị T1 bị bệnh chậm phát triển tâm thần nặng. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F72. Đối tượng mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi”*.

Như vậy, yêu cầu của ông T và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang về nội dung vụ việc là có căn cứ nên sẽ chấp nhận yêu cầu của ông T tuyên bố chị T1 mất năng lực hành vi dân sự.

[3]. Về việc xác định người giám hộ:

Chị T1 có mẹ là bà Lê Thị N1 đã chết, chị không có bố, em trai chị đã chết từ nhỏ. Ông bà ngoại là cụ L, cụ Đ đều đã chết. Chị có các cậu ruột là ông T, ông B, ông H, các dì ruột là bà P, bà M. Từ năm 2008 đến nay chị do ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét: Những người giám hộ đương nhiên theo quy định pháp luật của chị T1 là mẹ, ông bà ngoại, em trai chị đều đã chết. Hiện người thân thích được quyền giám hộ cho chị T1 là các cậu, dì ruột của chị là ông B, ông T, ông H, bà P, bà M, ngoài ra không còn ai khác. Trong đó ông T nhiều năm nay trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc chị T1 và hiện vẫn đang nuôi dưỡng chị rất tốt. Ông T có yêu cầu được làm người giám hộ cho chị T1 và được ông B, ông H, bà P, bà M đồng ý vì các ông bà không nuôi dưỡng chị T1 nên từ chối giám hộ cho chị. Ông T mạnh khỏe, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có việc làm, có thu nhập, có đạo đức tốt, sống hòa nhã với mọi người, không có hành vi ngược đãi người thân, không vi phạm pháp luật nên có đủ các điều kiện làm người giám hộ. Căn cứ Điều 49, Điều 53, Điều 54 Bộ luật dân sự, Tòa án sẽ chấp nhận yêu cầu của ông T, chỉ định ông T là người giám hộ cho chị T1.

[4]. Về lệ phí: Ông Lê Thanh T là người cao tuổi và có đơn nghị Tòa án miễn lệ phí dân sự nên sẽ miễn cho ông T không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 149, 361, 366, 367, 371, 372, 376, 377, 378 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 22, 46, 47; 48, 49, 53, 54, 57, 58, 59 của Bộ luật dân sự;
- Điều 2 Luật người cao tuổi.
- Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Thanh T.

Tuyên bố chị Lê Thị T1, sinh năm 1986, thường trú tại thôn A, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên là người mất năng lực hành vi dân sự.

3. Chỉ định ông Lê Thanh T, sinh năm 1964 (cậu ruột chị T1); thường trú tại: thôn A, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên là người giám hộ của chị Lê Thị T1. Ông Lê Thanh T có các quyền và nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định tại Điều 57, 58, 59 của Bộ luật Dân sự.

4. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Miễn lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm cho ông Lê Thanh T.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu có mặt tại phiên họp được quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp được quyền kháng cáo Quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Văn Giang;
- Chi Cục thi hành án dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

ĐỖ THỊ THOA